

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2019

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Tấn Đạt
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U:*** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1973 (có mặt)
  2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)
- Cùng địa chỉ ấp Xẻo Lùng A, xã Thạnh Yên A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày:***

Về hôn nhân: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H (sau đây gọi tắt là ông K, bà H) cưới nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Yên,

huyện An Biên (nay thuộc huyện U), tỉnh Kiên Giang ngày 29/11/2002. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà H thường uống rượu không lo làm ăn và chăm lo cho gia đình, tiền bạc quản lý xài riêng, nhiều lần ông K khuyên bà H hạn chế uống rượu để cùng chăm lo cho gia đình nhưng bà H không sửa đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông K và bà H được 03 người con chung tên Trần Hùng Ân, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), còn lại 02 người con tên Trần Trọng Đạt, sinh ngày 26/3/2005, giới tính nam và Trần Triệu Quý, sinh ngày 05/02/2015, giới tính nam (hiện đang sống với ông K). Khi ly hôn con theo ai người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2019 cháu Trần Trọng Đạt (ghi tại Tòa án) có nguyện vọng được sống với cha là ông Trần Văn K.

Về chia tài sản chung: Ông K và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt phiên tòa nên không có ý kiến trình bày. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/5/2019 bà H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H không đồng ý ly hôn với ông K vì còn thương ông K.

Về con chung: Con theo ai người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ chung: Bà H và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bà H.

#### ***Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:***

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (phô tô); Đơn xin xác nơi cư trú; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh tên Trần Hùng Ân, Trần Trọng Đạt, Trần Triệu Quý (phô tô); Bản tự khai ngày 12/4/2019 của cháu Trần Trọng Đạt và bản tự khai ngày 12/4/2019 của ông K.

Bị đơn cung cấp: Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/5/2019.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/5/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Hôn nhân giữa ông K và bà H là hợp pháp. Tại phiên tòa ông K trình bày lý do xin ly hôn là do trong quá trình chung sống bà H không lo làm ăn mà thường uống rượu. Thu nhập kiếm được bà H tiêu xài riêng không chăm lo cho gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông K và bà H đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/5/2019 bà H cho rằng còn thương ông K nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà H hai lần để hòa giải với ông K nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến (ngoại trừ đơn xin xét xử vắng mặt), cho thấy việc ông K yêu cầu ly hôn bà H không quan tâm và tha thiết muốn hàn gắn với ông K.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng ông K kiên quyết xin ly hôn. Ông K và bà H ly thân từ tháng 10/2018 đến nay nhưng không thể hàn gắn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông K và bà H không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho ông K được ly hôn với bà H.

**[3]. Về con chung:** Ông K và bà H có 03 người con chung. Trong đó 01 người con đã trưởng thành, còn lại 02 người con là Trần Trọng Đạt, sinh ngày 26/3/2005 và Trần Triệu Quý, sinh ngày 05/02/2015, ông K đang nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, ông K yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Trần trọng Đạt và Trần Triệu Quý, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/5/2019 bà H trình bày con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Nhận thấy, cháu Đạt hiện nay đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai ngày 12/4/2019 (ghi tại Tòa án) cháu Đạt có nguyện vọng được sống với cha là ông Trần Văn K. Riêng cháu Quý hiện nay mới được 05 tuổi, tại phiên tòa ông K yêu cầu được nuôi cả 02 con chung là cháu Đạt và cháu Quý nhưng nhận thấy hiện ông K làm nghề buôn bán dạo, thu nhập không ổn định, theo ông K trình bày mỗi ngày kiếm được từ 100.000 đồng – 160.000 đồng. Với mức thu nhập như trên, HĐXX cho rằng ông K khó đảm bảo việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và chăm lo cho các con được

đầy đủ như bao đứa trẻ khác. Hơn nữa, mỗi ngày ông K phải chạy xe đi buôn bán nên ít có thời gian quan tâm chăm sóc cho các con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Đạt và cháu Quý, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Đạt cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quý cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về chia tài sản chung: Ông K và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Ông K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000850 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Trọng Đạt, sinh ngày 26/3/2005, giới tính nam cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Triệu Quý, sinh ngày 05/02/2015, giới tính nam cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K và bà H có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Ông K và bà H từ thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000850 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**